|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2024/NQ-HĐND  ***(Dự thảo)*** | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành chính sách về đất đai đối đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ……**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*; Báo cáo thẩm tra số...ngày...tháng...năm... của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vị điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và niền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai.

Các đối tượng tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 nếu có nhu cầu bố trí đất và địa phương có quỹ đất thì mới xem xét bố trí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, dân tộc;

2. Đồng bào dân tộc thiểu số;

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3: Chính sách đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì được bố trí địa điểm sinh hoạt cộng đồng.

2. Địa phương (đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn, phường) có trên 20 hộ gia đình là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì được bố trí địa điểm sinh hoạt cộng đồng.

3. Diện tích bố trí tùy thuộc vào số lượng người phù hợp theo quy định pháp luật về xây dựng. Thủ tục giao đất, thủ tục đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 4: Quỹ đất để thực hiện chính sách về đất đai**

Quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý trên địa bàn toàn tỉnh hoặc từ quỹ đất thu hồi thuộc các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.

**Điều 5. Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất**

1. Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất do chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở sang đất ở do tách hộ đối với hộ gia đình là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các vùng đồng bào dân tộc và miền núi theo quy định *( Lấy ý kiến ban dân tộc về vùng đồng bào dân tộc thiểu số* ***theo*** *Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Chính phủ phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 thì tỉnh Đồng Nai có đơn vị cấp xã 24 thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi* ***hay theo*** *Quyết định số 497/QĐ-UBDT ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025. Tỉnh Đồng Nai có 58 ấp, khu phố (thôn) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).* *(Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 103)*

2. Giảm 50% tiền sử dụng đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người nghèo, hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số tại các địa bàn không thuộc địa bàn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. *(Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 103).*

3. Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình cá nhân là dân tộc thiểu số sử dụng đất sản xuất nông nghiệp. *(Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định 103).*

**Điều 6. Hạn mức giao đất**

1. Hạn mức giao đất ở đối với người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tính theo hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thuỷ sản:

a) Không quá 01 ha cho mỗi loại đất đối với khu vực đô thị;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 02 ha.

b) Không quá 2 ha cho mỗi loại đất đối với khu vực nông thôn;

Trường hợp được giao nhiều loại đất trong cùng nhóm đất nông nghiệp thì tổng diện tích được giao không quá 4 ha.

3. Đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng

a) Không quá 02 ha cho mỗi loại đất đối với khu vực đô thị;

b) Không quá 04 ha cho mỗi loại đất đối với khu vực nông thôn.

4. Hạn mức giao đất nông nghiệp nêu trên được tính trong tổng hạn mức giao đất nông nghiệp được quy định tại Điều 176 Luật Đất đai 2024.

**Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số *(Theo Khoản 2 Điều 8 và điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định 102)***

1. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát và lập danh sách các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 10 hằng năm;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đo đạc, xác định diện tích và thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai, gồm các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai mà không còn nhu cầu sử dụng đất;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số trên cơ sở quỹ đất quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai. Nội dung phương án phải nêu rõ các trường hợp được hỗ trợ, diện tích hỗ trợ, hình thức hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số;

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Luật Đất đai;

5. Trung tâm phát triển quỹ đất lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; lập dự án tạo quỹ đất để giao đất thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng bảng giá đất; xác định giá đất cụ thể theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

**Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai**

Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án hỗ trợ giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách giao về cho cấp huyện theo phương án do Ủy ban nhân dân huyện đề xuất và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp không tự cân đối được ngân sách, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật; đảm bảo nguồn kinh phí, bố trí nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội (A+B);  - Văn phòng Chính phủ(A+B);  - Bộ Nội vụ;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;  - Các sở, ban, ngành và đoàn thể của tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Cổng TTĐT tỉnh;  - Lưu: VT. P.CTHĐND | **CHỦ TỊCH** |